

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển
đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng
đến năm 2030 tỉnh Bình Phước**

I. QUAN ĐIỂM

1

- Giai đoạn 2021-2026 là thời cơ để tỉnh Bình Phước phấn đấu trở thành điểm đến hấp dẫn, bằng các chương trình hành động cụ thể trong đó có việc phát triển hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin một cách mạnh mẽ. Ứng dụng CNTT trong giai đoạn này thực chất là quá trình **chuyển đổi số** trên các mặt: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2

- Để chuyển đổi số thành công trên địa bàn tỉnh, làm tiền đề cho sự phát triển thời công nghệ 4.0, cần sự chung tay của cả hệ thống chính trị, toàn thể người dân và doanh nghiệp. Các hoạt động phải được chuyển dịch có mục đích từ môi trường vật chất lên không gian mạng, môi trường số.

3

- Công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh là việc hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ, mang tính đổi mới căn bản mọi hoạt động. Do đó cần sự quyết tâm cao của người đứng đầu, lãnh đạo các cấp và sự đồng thuận của Nhân dân dựa trên nguyên tắc lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát
2. Mục tiêu đến năm 2025
3. Mục tiêu đến năm 2030

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ƯU TIÊN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số
2. Một số nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển chính quyền số
3. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số
4. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số
5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT - BÌNH PHƯỚC

01

Xây dựng Chính quyền số tỉnh Bình Phước nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau, phù hợp với nhu cầu.

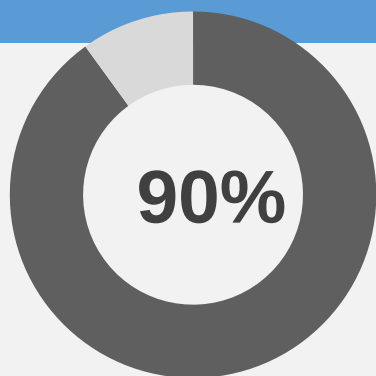
02

Cơ quan nhà nước, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu thực.

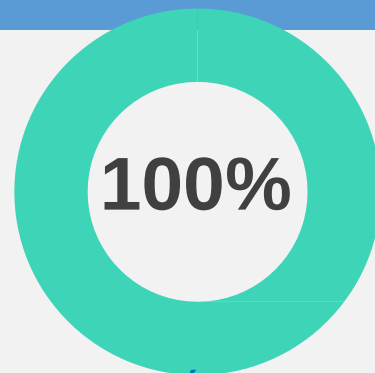
03

Phát triển doanh nghiệp số, thúc đẩy xã hội số góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

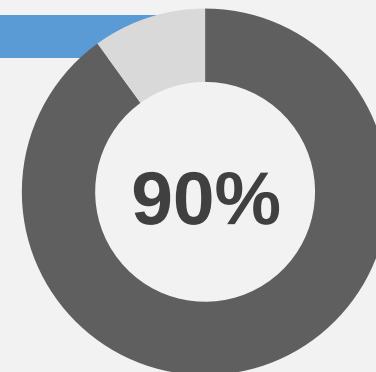
2. Mục tiêu đến năm 2025 – Về chính quyền số



Cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã được tổ chức theo hình thức trực tuyến



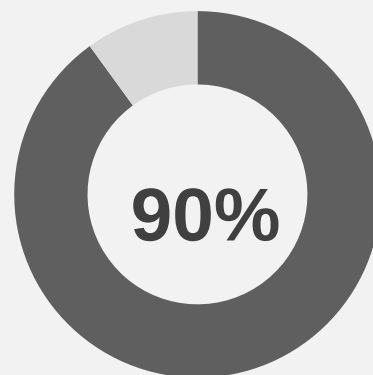
Lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh, lãnh đạo cấp huyện và cấp xã được cấp chữ ký số



Các thông tin trao đổi, việc gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên môi trường mạng thông qua việc ứng dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tính xác thực.



Tỷ lệ cán bộ công chức, sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong xử lý công việc



Báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ



Cơ sở dữ liệu tạo nền tảng của tỉnh phục vụ cho phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh.

Mục tiêu đến năm 2025 – Về chính quyền số

100%

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia

80%

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ

90%

Số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử thành phố được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất từ hệ thống Trung ương

90%

Thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

100%

Các hệ thống thông tin của các sbn, UBND cấp huyện có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua các Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu tỉnh không phải cung cấp lại

90%

Là % tối thiểu người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính

Mục tiêu đến năm 2025 – Về chính quyền số

60%

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động

80%

Người dân trong độ tuổi từ 18 trở lên có tài khoản công dân điện tử

60%

Tỷ lệ nộp hồ sơ qua mạng trong toàn tỉnh (Tối thiểu)

50%

Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

100%

Biểu mẫu điện tử (Eform) tất cả các thủ tục hành chính mức độ 3, 4 hoàn thiện

100%

Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã

Mục tiêu đến năm 2025 – Về chính quyền số

- Bình Phước thuộc nhóm các địa phương đứng đầu về tổ chức triển khai Chuyển đổi số;
- Bình Phước thuộc nhóm B về Chỉ số cải cách hành chính, Hiệu quả quản trị và hành chính công tại Việt Nam lên hạng cao nhất, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính trong nhóm 30 của cả nước;
- Chỉ số Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của địa phương thuộc nhóm 30 trong cả nước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt mức Trung bình cao.

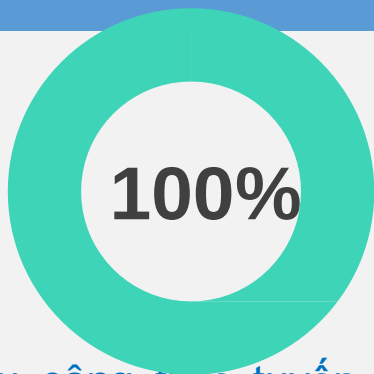
3. Mục tiêu đến năm 2025 – Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế số

- Phần đầu Kinh tế số chiếm 10% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

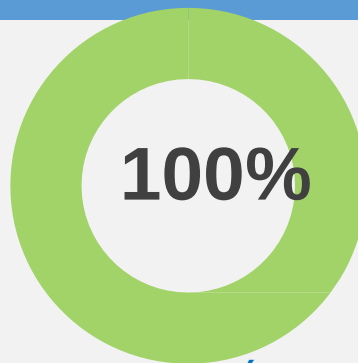
4. Mục tiêu đến năm 2025 – Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 80% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.
- Mỗi người dân có 1 điện thoại thông minh.

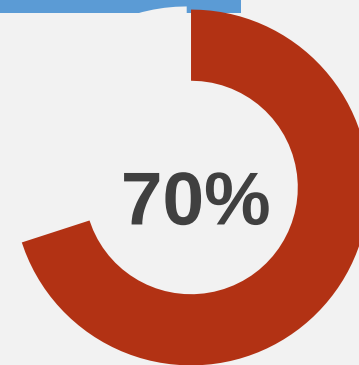
5. Mục tiêu đến năm 2030 – Về chính quyền số



Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, tạo điều kiện truy cập thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp



Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)



Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm tối đa các thủ tục hành chính theo các quy định và định hướng của Chính phủ; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

6. Mục tiêu đến năm 2030 – Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế số

- Kinh tế số chiếm từ 15% đến 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 15%.

7. Mục tiêu đến năm 2030 – Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang đến 99% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 90%.
- Bình Phước đứng đầu đô thị thông minh khu vực Đông Nam Bộ;
- Bình Phước thuộc nhóm B về Chỉ số cải cách hành chính, Hiệu quả quản trị và hành chính công tại Việt Nam lên hạng cao nhất, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính trong top 20 của cả nước
- Chỉ số Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của địa phương thuộc top 20 trong cả nước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt mức Khá

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

01 Chuyển đổi nhận thức

02 Kiến tạo thể chế

03 Phát triển hạ tầng số

04 Ứng dụng, triển khai áp dụng các nền tảng số

05 Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển chính quyền số

- 01 Phục vụ người dân và doanh nghiệp
- 02 Nâng cao hoạt động của các cơ quan nhà nước
- 03 Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)
- 04 Triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh
- 05 Phát triển hệ sinh thái dữ liệu mở
- 06 Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

- 01 Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số
- 02 Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử
- 03 Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp
- 04 Triển khai thành công chính quyền số làm điểm tựa cho phát triển kinh tế số

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

- Có chính sách hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân, phấn đấu đến hết năm 2025 mỗi người dân có một điện thoại thông minh.
- Có chính sách hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng, cung cấp dịch vụ, phấn đấu hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã vào năm 2025.
- Thúc đẩy các chiến lược, chính sách trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử, phấn đấu tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80% vào năm 2025 bằng cách sử dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến do Bộ TT&TT cung cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong thanh toán hàng ngày.
- Xây dựng chiến lược truyền thông trực tuyến và các kênh truyền thông trực tuyến để đẩy mạnh việc tham gia của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức vào chương trình chuyển đổi số của tỉnh .

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

- 01 Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế
- 02 Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục
- 03 Chuyển đổi số trong hoạt động văn hóa thể thao và du lịch
- 04 Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
- 05 Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

06 Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và Logistics

07 Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

08 Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

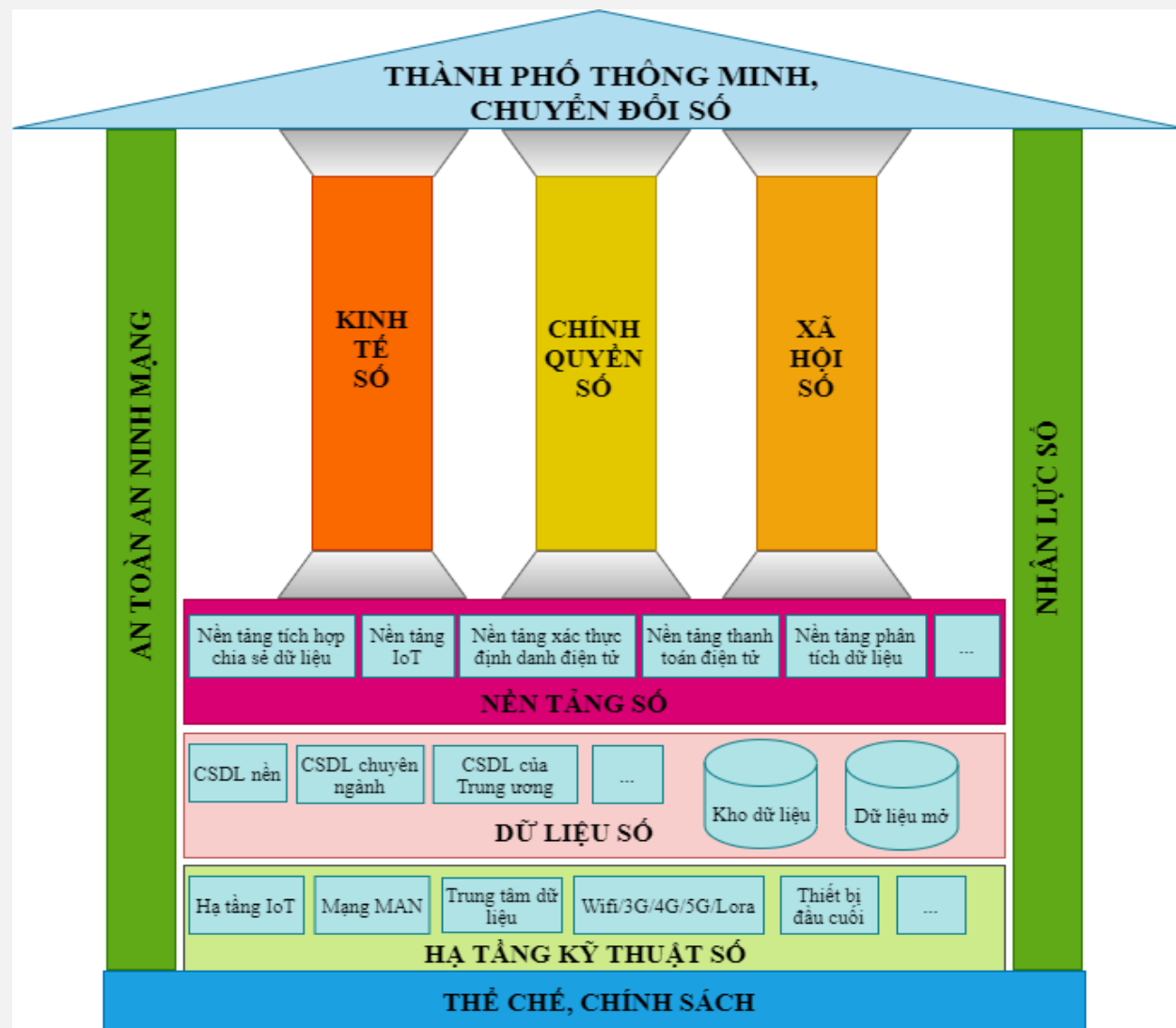
09 Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

PHÂN TÍCH MÔ HÌNH SWOT ĐỐI VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BÌNH PHƯỚC

ĐIỂM MẠNH (STRENGTHS)	ĐIỂM YẾU (WEAKNESSES)
✓ Tầm nhìn, cam kết, quyết tâm của lãnh đạo tỉnh ✓ Hạ tầng, nền tảng phát triển CQĐT, các ứng dụng thông minh ✓ Tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ điện thoại thông minh, Internet, mạng xã hội cao ✓ Nguồn nhân lực toàn tỉnh (bao gồm nguồn nhân lực CNTT) trẻ, dồi dào, sáng tạo và thích ứng nhanh	✓ Ứng dụng CNTT trong khối Đảng, MT, đoàn thể chưa đồng bộ, tương thích với khối Chính quyền ✓ Các công nghệ mạng mới chưa sẵn sàng; tính khả dụng dữ liệu còn thấp ✓ Doanh nghiệp ICT chủ yếu gia công; thâm dụng lao động; đa số doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ✓ Thanh toán không dùng tiền mặt, TMĐT thấp, chưa có yếu tố dẫn dắt ✓ Đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực các lĩnh vực chuyên sâu chưa đáp ứng nhu cầu ✓ Công nghiệp ICT, CNC chưa phát triển
CƠ HỘI (OPPORTUNITIES)	THÁCH THỨC (THREATS)
✓ Có kinh nghiệm và nền tảng CQĐT, TPTM ✓ Truyền thống đột phá, cách làm mới, đồng thuận ✓ Một số mô hình, công nghệ mới đã được áp dụng thực tế ✓ Mong muốn đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững	✓ Thay đổi thói quen, phương thức làm việc ✓ Phụ thuộc vào thể chế, khung pháp lý của Trung ương ✓ Tích hợp mô hình Chính quyền số với mô hình Chính quyền đô thị ✓ Đảm bảo cơ hội công bằng cho tất cả mọi người

CÁCH TIẾP CẬN CỦA BÌNH PHƯỚC

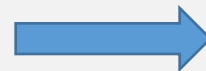
Khung tham chiếu Chuyển đổi số Bình Phước



- Chính quyền số:** Bao gồm cả các cơ quan Đảng, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội (phù hợp với Chương trình 35-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW)
- Kinh tế số:** Tiếp cận theo khái niệm Kinh tế số phạm vi rộng (Broad scope), bao gồm ngành công nghiệp ICT, thương mại điện tử, kinh doanh số, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ,...
- Ngoài các lĩnh vực kinh tế theo Quyết định 749, bổ sung thêm lĩnh vực du lịch, thương mại điện tử, tài chính số (Fintech)
- Xã hội số:** Bao gồm Công dân số và Văn hóa số
- Ngoài các lĩnh vực theo Quyết định 749, bổ sung thêm an toàn vệ sinh thực phẩm (lồng ghép trong lĩnh vực y tế)
- Các thành phần về thể chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số, an toàn an ninh mạng được xem là các yếu tố tạo nền móng và động lực (Enabler) thúc đẩy chuyển đổi số

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0
2. Kiến trúc ICT Địa phương thông minh
3. Nghị quyết chuyển đổi số; Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030



KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT TRONG XÂY DỰNG CQQĐT, CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐỊA PHƯƠNG THÔNG MINH VÀ ĐẢM BẢO ATTT

(được phân bổ kinh phí hàng năm và giai đoạn)

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN